

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tháng 02 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI

Số 170 Đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI

Số 170 Đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Diệu Trinh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 6 năm 2022) ✓
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên (Từ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT ngày 16 tháng 6 năm 2022) ✓
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022) ✓
Bà Đỗ Thị Nga	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022) ✓
Bà Nguyễn Thị Thơm	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2022) ✓

Ban Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2022) ✓
Ông Bùi Hữu Việt	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2022) ✓

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Phạm Thị Tuấn - Tổng Giám đốc Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các Chính sách Kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘI

Số 170 Đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Thị Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2023

Phạm Thị Tuấn

Số: /VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 23 - Phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại đó trình bày thông tin về việc Công ty đang tiếp tục làm việc với Cục thuế thành phố Hà Nội để xác định các nghĩa vụ thuế bổ sung cho kỳ tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018 (nếu có). Công ty sẽ thực hiện các nghĩa vụ liên quan sau khi nhận được quyết định cuối cùng của Cơ quan thuế về vấn đề này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2023

Bùi Thị Phương
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2369-2023-156-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		65.280.789.118 ✓	69.348.397.304 ✓
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	16.198.181.176 ✓	16.561.239.053 ✓
1. Tiền	111		10.198.181.176 ✓	16.561.239.053 ✓
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000 ✓	- ✓
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.000.000.000 ✓	25.000.000.000 ✓
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	25.000.000.000 ✓	25.000.000.000 ✓
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.178.629.437 ✓	2.363.975.973 ✓
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		30.065.600 ✓	1.281.297.890 ✓
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	1.148.563.837 ✓	1.082.678.083 ✓
IV. Hàng tồn kho	140		22.876.625.505 ✓	25.071.339.562 ✓
1. Hàng tồn kho	141	7	22.878.440.017 ✓	25.071.339.562 ✓
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	7	(1.814.512) ✓	- ✓
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.353.000 ✓	351.842.716 ✓
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		- ✓	351.842.716 ✓
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	8	27.353.000 ✓	- ✓
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.741.899.950 ✓	23.666.574.414 ✓
I. Tài sản cố định	220		22.741.899.950 ✓	23.666.574.414 ✓
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	19.709.396.940 ✓	20.538.690.712 ✓
- Nguyên giá	222		60.979.624.988 ✓	58.147.354.988 ✓
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.270.228.048) ✓	(37.608.664.276) ✓
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		- ✓	- ✓
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	3.032.503.010 ✓	3.127.883.702 ✓
- Nguyên giá	228		4.609.713.164 ✓	4.609.713.164 ✓
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.577.210.154) ✓	(1.481.829.462) ✓
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		88.022.689.068 ✓	93.014.971.718 ✓

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		7.215.181.291	16.186.097.502
I. Nợ ngắn hạn	310		7.215.181.291	16.186.097.502
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	265.424.300	279.972.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	890.522.181	424.036.324
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	8	1.119.178.332	1.225.264.457
4. Phải trả người lao động	314		2.779.643.346	4.015.455.197
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	926.321.637
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	1.177.649.455	8.036.718.036
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		982.763.677	1.278.329.851
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		80.807.507.777	76.828.874.216
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	80.807.507.777	76.828.874.216
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		62.909.000.000	62.909.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		62.909.000.000	62.909.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.586.780.000	2.586.780.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.000.000.000	700.000.000
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.700.000.000	3.600.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ) lũy kế	421		10.611.727.777	7.033.094.216
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.758.554.216	857.748.007
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		7.853.173.561	6.175.346.209
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		88.022.689.068	93.014.971.718



Phạm Thị Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2023

Phạm Thị Minh Trang
Quyền kế toán trưởng

Phạm Thị Minh Trang
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	88.835.481.026 ✓	80.543.846.922 ✓
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		- ✓	27.497.500 ✓
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	15	88.835.481.026 ✓	80.516.349.422 ✓
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	16	56.928.187.267 ✓	51.725.767.423 ✓
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		31.907.293.759 ✓	28.790.581.999 ✓
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	1.227.822.203 ✓	1.147.017.534 ✓
7. Chi phí bán hàng	25	19	4.006.057.099 ✓	3.403.772.411 ✓
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	12.573.058.864 ✓	12.199.827.123 ✓
9. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 25 - 26}	30		16.555.999.999 ✓	14.333.999.999 ✓
10. Thu nhập khác	31		11.350.000 ✓	106.735.991 ✓
11. Chi phí khác	32		20.234.417 ✓	169.143.254 ✓
12. Lỗ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(8.884.417) ✓	(62.407.263) ✓
13. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		16.547.115.582 ✓	14.271.592.736 ✓
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	3.661.222.021 ✓	3.063.526.527 ✓
15. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		12.885.893.561 ✓	11.208.066.209 ✓
16. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	2.048	1.766 ✓



Phạm Thị Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2023

Phạm Thị Minh Trang
Quyền kế toán trưởng

Phạm Thị Minh Trang
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	89.036.897.065	80.619.287.814
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(48.445.050.679)	(51.496.996.337)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(15.036.192.558)	(11.572.989.407)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(4.206.591.727)	(3.960.688.312)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	21.550.000	30.794.729.966
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.766.174.874)	(41.619.058.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.604.437.227	2.764.285.524
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.832.270.000)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(25.000.000.000)	(25.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	25.000.000.000	23.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.217.397.546	540.491.506
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.614.872.454)	(1.459.508.494)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.352.622.650)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(16.352.622.650)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(363.057.877)	1.304.777.030
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.561.239.053	15.256.462.023
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	16.198.181.176	16.561.239.053



Phạm Thị Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2023

Phạm Thị Minh Trang
Quyền kế toán trưởng

Phạm Thị Minh Trang
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") thành lập theo Quyết định số 8103/QĐ-UB ngày 27 tháng 11 năm 2002 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước Xi nghiệp Dược phẩm Hà Nội thành Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101337659 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2002 và được sửa đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 7 năm 2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 62.909.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 71 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 70 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thuốc chữa bệnh, phòng bệnh phục vụ sức khỏe cho người;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Xuất khẩu dược liệu, tinh dầu, dược phẩm, nông lâm sản;
- Nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu, bao bì, thuốc thành phẩm, thuốc thực phẩm, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế;
- Cho thuê văn phòng làm việc và kho chứa hàng hóa, nguyên liệu, bao bì, thành phẩm dược phẩm, mỹ phẩm, trang thiết bị y tế;
- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- May trang phục;
- Buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Sản xuất kinh doanh dược phẩm chức năng;
- Kinh doanh bất động sản.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu, chi tiết: Sản xuất thuốc chữa bệnh, phòng bệnh, phục vụ sức khỏe cho người.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Luân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, các loại tài sản và nợ phải trả được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ lập báo cáo. Tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	01 - 44
Máy móc, thiết bị	02 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	10 - 20

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê đất.

Tài sản cố định vô hình khác là phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi bù lỗ năm trước thì được phân phối cho chủ sở hữu, bù đắp các khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế, sau đó trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản giao dịch. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	Cổ đông lớn (Ảnh hưởng đáng kể)
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Quản lý chủ chốt

[Handwritten signature]

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ NỘISố 170 Đường La Thành, Phường Ô Chợ Dừa
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	102.052.632 ✓	20.158.547 ✓
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.096.128.544 ✓	16.541.080.506 ✓
Các khoản tương đương tiền (i)	6.000.000.000 ✓	- ✓
Cộng	16.198.181.176	16.561.239.053

Ghi chú:

- (i) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ 1 - 3 tháng, lãi suất 5 - 6%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn (i)	25.000.000.000 ✓	25.000.000.000 ✓
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000

Ghi chú:

- (i) Là khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,7%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tạm ứng	24.500.000 ✓	33.500.000 ✓
Phải thu khác	1.124.063.837 ✓	1.049.178.083 ✓
- <i>Lãi dự thu</i>	1.059.602.740 ✓	1.049.178.083 ✓
- <i>Các khoản phải thu khác</i>	64.461.097 ✓	- ✓
Cộng	1.148.563.837	1.082.678.083

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	56.667.000 ✓	- ✓	- ✓	- ✓
Nguyên liệu, vật liệu	8.997.259.407 ✓	(1.814.512) ✓	11.573.738.032 ✓	- ✓
Công cụ, dụng cụ	30.061.040 ✓	- ✓	36.489.075 ✓	- ✓
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.184.937.763 ✓	- ✓	6.755.118.079 ✓	- ✓
Thành phẩm	10.609.514.807 ✓	- ✓	6.705.994.376 ✓	- ✓
Cộng	22.878.440.017	(1.814.512)	25.071.339.562	- ✓



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Các khoản thuế, phí khác	-	-	27.353.000	27.353.000
Cộng	-	-	27.353.000	27.353.000
b) Phải nộp				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	953.174.439	953.174.439	-
Thuế giá trị gia tăng	-	727.875.293	297.891.712	429.983.581
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.225.264.457	3.661.222.021	4.206.591.727	679.894.751
Thuế thu nhập cá nhân	-	985.441.144	976.141.144	9.300.000
Các khoản thuế, phí khác	-	10.768.667	10.768.667	-
Cộng	1.225.264.457	6.338.481.564	6.444.567.689	1.119.178.332

[Handwritten signature]

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ											
Số dư đầu năm	22.289.175.270	28.871.889.915	3.009.476.139	211.753.856	3.765.059.808	58.147.354.988					
- Mua trong năm	-	2.426.310.000	405.960.000	-	-	2.832.270.000					
Số dư cuối năm	22.289.175.270	31.298.199.915	3.415.436.139	211.753.856	3.765.059.808	60.979.624.988					
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ											
Số dư đầu năm	8.867.820.807	22.152.049.217	2.642.700.573	211.753.856	3.734.339.823	37.608.664.276					
- Khấu hao trong năm	896.938.584	2.561.327.682	199.573.870	-	3.723.636	3.661.563.772					
Số dư cuối năm	9.764.759.391	24.713.376.899	2.842.274.443	211.753.856	3.738.063.459	41.270.228.048					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Tại ngày đầu năm	13.421.354.463	6.719.840.698	366.775.566	-	30.719.985	20.538.690.712					
Tại ngày cuối năm	12.524.415.879	6.584.823.016	573.161.696	-	26.996.349	19.709.396.940					

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng đang sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 20.282.182.097 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 19.787.082.117 VND).

Juan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	4.578.273.164	31.440.000	4.609.713.164
Số dư cuối năm	4.578.273.164	31.440.000	4.609.713.164
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.450.389.462	31.440.000	1.481.829.462
- Khấu hao trong năm	95.380.692	-	95.380.692
Số dư cuối năm	1.545.770.154	31.440.000	1.577.210.154
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	3.127.883.702	-	3.127.883.702
Tại ngày cuối năm	3.032.503.010	-	3.032.503.010

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng đang sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 31.440.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 31.440.000 VND).

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Dược và Trang thiết bị Y tế Phúc Thịnh	-	-	279.972.000	279.972.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Giang	88.807.200	88.807.200	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Minh Chiến	62.333.700	62.333.700	-	-
Công ty TNHH Vinaepoxy Việt Nam	52.569.000	52.569.000	-	-
Công ty TNHH Cơ khí Kim Nam Thịnh	40.700.000	40.700.000	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì và Thương mại Đức Thành	21.014.400	21.014.400	-	-
Cộng	265.424.300	265.424.300	279.972.000	279.972.000

Trần

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Tín Phong	280.955.280 ✓	229.954.600 ✓
Công ty TNHH Kinh doanh Dược Thiên Thành	36.112.253 ✓	94.721.924 ✓
Công ty Cổ phần Dược phẩm Minh Tùng	91.274.281 ✓	75.000.000 ✓
Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinaplant	305.180.367 ✓	-
Các đối tượng khác	177.000.000 ✓	24.359.800 ✓
Cộng	890.522.181	424.036.324

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	34.801.060 ✓	-
Phải trả khác	1.142.848.395	8.036.718.036 ✓
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	29.376.425 ✓	7.574.739.075 ✓
- Các đối tượng khác	1.113.471.970 ✓	461.978.961 ✓
Cộng	1.177.649.455	8.036.718.036

Mau

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm:

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế	Cộng
Số dư đầu năm trước	62.909.000.000	2.586.780.000	600.000.000	3.500.000.000	3.874.108.007	73.469.888.007
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	11.208.066.209	11.208.066.209
Phân phối lợi nhuận	-	-	100.000.000	100.000.000	(7.549.080.000)	(7.349.080.000)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư đầu năm nay	62.909.000.000	2.586.780.000	700.000.000	3.600.000.000	7.033.094.216	76.828.874.216
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	12.885.893.561	12.885.893.561
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	300.000.000	100.000.000	(8.807.260.000)	(8.407.260.000)
Trích lập các quỹ trong năm (i)	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư cuối năm nay	62.909.000.000	2.586.780.000	1.000.000.000	3.700.000.000	10.611.727.777	80.807.507.777

Ghi chú:

(i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 17 tháng 6 năm 2022 quyết định thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 100.000.000 VND;
- Trích quỹ khác: 100.000.000 VND;
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 300.000.000 VND;
- Cổ tức của năm 2021 là 14% (trong đó đã tạm ứng là 8%, tiếp tục chi trả 6% sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua), cổ tức của năm 2022 theo kế hoạch là 16%. Nghị quyết số 88a/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 7 năm 2022 thông qua chi trả 6% cổ tức còn lại năm 2021. Ngày 21 tháng 11 năm 2022, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 90/NQ-HĐQT thông qua việc chi trả tạm ứng cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 8%, ngày đăng ký cuối cùng là ngày 19 tháng 12 năm 2022, ngày thanh toán cổ tức là ngày 30 tháng 12 năm 2022.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền VND	Tỷ lệ %	Số tiền VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	25.163.600.000	40,00%	25.163.600.000	40,00%
Bà Đỗ Thị Nga	12.212.230.000	19,41%	11.877.110.000	18,88%
Bà Nguyễn Diệu Trinh	9.788.240.000	15,56%	9.788.240.000	15,56%
Ông Nguyễn Đức Thắng	6.062.220.000	9,64%	6.062.220.000	9,64%
Các cổ đông khác	9.682.710.000	15,39%	10.017.830.000	15,92%
Cộng	62.909.000.000	100%	62.909.000.000	100%

Tình hình phát hành cổ phiếu:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.290.900	6.290.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.290.900	6.290.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.290.900	6.290.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.290.900	6.290.900
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.290.900	6.290.900
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm	86.411.650.121	77.504.241.377
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.193.065.677	2.351.426.289
Doanh thu khác	230.765.228	688.179.256
Cộng	88.835.481.026	80.543.846.922
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	-	27.497.500
	-	27.497.500
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	88.835.481.026	80.516.349.422

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	55.794.848.508 ✓	50.111.939.642 ✓
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	960.012.690 ✓	1.006.874.622 ✓
Giá vốn khác	173.326.069 ✓	606.953.159 ✓
Cộng	56.928.187.267	51.725.767.423

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.712.205.481 ✓	48.626.018.760 ✓
Chi phí nhân công	15.477.512.429 ✓	13.871.245.268 ✓
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.756.944.464 ✓	3.481.566.829 ✓
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.621.275.111 ✓	807.136.943 ✓
Chi phí khác bằng tiền	2.270.891.348 ✓	5.815.154.861 ✓
Cộng	73.838.828.833	72.601.122.661

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.227.822.203 ✓	1.147.017.534 ✓
Cộng	1.227.822.203	1.147.017.534

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	3.268.612.919 ✓	2.761.678.194 ✓
Chi phí khấu hao TSCĐ	254.725.440 ✓	254.725.440 ✓
Chi phí bằng tiền khác	482.718.740 ✓	387.368.777 ✓
Cộng	4.006.057.099	3.403.772.411
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	8.234.544.407 ✓	6.471.847.822 ✓
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.102.286.375 ✓	2.177.899.021 ✓
Chi phí khấu hao TSCĐ	808.124.516 ✓	685.766.012 ✓
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.472.495.340 ✓	591.685.230 ✓
Chi phí bằng tiền khác	955.608.226 ✓	2.272.629.038 ✓
Cộng	12.573.058.864	12.199.827.123

Handwritten signature

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	16.547.115.582	14.271.592.736
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.758.994.522	1.046.039.898
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>1.758.994.522</i>	<i>1.046.039.898</i>
Thu nhập chịu thuế	18.306.110.104	15.317.632.634
Thu nhập tính thuế	18.306.110.104	15.317.632.634
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.661.222.021	3.063.526.527

Ngoài các khoản chi phí không được trừ trên, Công ty tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể với cơ sở tính thuế. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	(trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.885.893.561	11.208.066.209
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(100.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.885.893.561	11.108.066.209
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.290.900	6.290.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.048	1.766

Trong năm 2022, Công ty chưa có kế hoạch phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi.

22. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Hội đồng Quản trị	580.859.717	206.864.115
Bà Nguyễn Diệu Trinh	117.489.119	-
Ông Nguyễn Việt Cường	156.526.473	76.525.987
Ông Nguyễn Thanh Tùng	85.522.062	66.266.472
Bà Đỗ Thị Nga	130.788.729	64.071.656
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	45.266.667	-
Bà Nguyễn Thị Thơm	45.266.667	-
b) Ban Tổng Giám đốc	1.769.397.389	1.379.509.800
Bà Phạm Thị Tuấn	1.068.612.156	832.083.283
Ông Đinh Quang Hào	107.262.155	547.426.517
Ông Bùi Hữu Việt	593.523.078	-
Cộng	2.350.257.106	1.586.373.915

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Từ năm 2009 đến năm 2019, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 10% trong vòng 15 năm từ năm 2009 đến năm 2023, miễn thuế trong 4 năm từ năm 2009 đến năm 2012, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm từ năm 2013 đến năm 2021 khi xác định Công ty thỏa mãn điều kiện hưởng ưu đãi thuế từ dự án đầu tư mới (theo Điều 7, Giấy chứng nhận đầu tư Dự án nhà máy sản xuất dược phẩm đạt GMP số 19221000011 ngày 17 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc). Tuy nhiên, trong năm 2020, Cục thuế thành phố Hà Nội đã tiến hành Thanh tra thuế cho kỳ tính thuế năm 2019 và xác định Công ty không được hưởng mức thuế suất ưu đãi này; đã ra quyết định truy thu bổ sung số thuế TNDN của năm 2019 và Công ty đã chấp hành nộp bổ sung số thuế TNDN năm 2019 này. Hiện tại, Công ty đang tiếp tục làm việc với Cục thuế thành phố Hà Nội để xác định các nghĩa vụ thuế bổ sung cho kỳ tính thuế từ năm 2009 đến năm 2018. Công ty sẽ thực hiện chấp hành nghĩa vụ liên quan sau khi nhận được quyết định của Cơ quan thuế về vấn đề này.

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	16.198.181.176	16.561.239.053
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	80.807.507.777	76.828.874.216
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các Chính sách Kế toán chủ yếu

Chi tiết các Chính sách Kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Handwritten signature

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.198.181.176	16.561.239.053
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.124.063.837	1.049.178.083
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.000.000.000	25.000.000.000
Tổng cộng	42.322.245.013	42.610.417.136
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.408.272.695	8.316.690.036
Chi phí phải trả	-	926.321.637
Tổng cộng	1.408.272.695	9.243.011.673

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.198.181.176 ✓	-	16.198.181.176
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.124.063.837 ✓	-	1.124.063.837
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.000.000.000 ✓	-	25.000.000.000
Tổng cộng	42.322.245.013 ✓	-	42.322.245.013
Số cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.408.272.695	-	1.408.272.695
Chi phí phải trả	-	-	-
Tổng cộng	1.408.272.695	-	1.408.272.695
Chênh lệch thanh khoản thuần	40.913.972.318	-	40.913.972.318
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.561.239.053 ✓	-	16.561.239.053
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.049.178.083 ✓	-	1.049.178.083
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.000.000.000 ✓	-	25.000.000.000
Tổng cộng	42.610.417.136	-	42.610.417.136
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	8.316.690.036 ✓	-	8.316.690.036
Chi phí phải trả	926.321.637 ✓	-	926.321.637
Tổng cộng	9.243.011.673	-	9.243.011.673
Chênh lệch thanh khoản thuần	33.367.405.463	-	33.367.405.463

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



Phạm Thị Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2023

Phạm Thị Minh Trang
Quyền kế toán trưởng

Phạm Thị Minh Trang
Người lập